Cơ quan: TỈNH ỦY NINH BÌNH
Thời gian ký: 21.05.2025 10:17:38 +07:00

TỈNH ỦY NINH BÌNH
BAN CHỈ ĐẠO CẤP TỈNH
VỀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ
*
Số 01 -KH/BCĐ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Ninh Bình, ngày 16 tháng 5 năm 2025

KẾ HOẠCH
triển khai Phong trào "Bình dân học vụ số" trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

---

- Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Căn cứ Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW, ngày 21/3/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số triển khai phong trào "Bình dân học vụ số";

- Căn cứ Quyết định số 1539-QĐ/TU, ngày 05/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình; Quyết định số 1681-QĐ/TU, ngày 14/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về việc kiện toàn, bổ sung Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình;

- Theo đề nghị của Văn phòng Tỉnh ủy - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình;

Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình *(sau đây viết tắt là Ban Chỉ đạo tỉnh)* ban hành Kế hoạch triển khai Phong trào "Bình dân học vụ số" trên địa bàn tỉnh, nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai sâu rộng Phong trào "Bình dân học vụ số" nhằm phổ cập tri thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng số cho người dân với tinh thần cách mạng, toàn dân, toàn diện, không ai bị bỏ lại phía sau trong tiến trình chuyển đổi số; mọi người dân đều được trang bị kiến thức, kỹ năng số cần thiết để áp dụng trong cuộc sống hằng ngày nhằm nắm bắt, tận dụng, khai thác, thụ hưởng những thành quả của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số mang lại.

- Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức và hành động của cấp ủy, chính quyền, mặt trận tổ quốc và các tổ

chức chính trị - xã hội các cấp, các tầng lớp nhân dân về vai trò, ý nghĩa của chuyển đổi số, công tác phổ cập kỹ năng số; khơi dậy động lực tự thân của mỗi người trong học tập, rèn luyện kỹ năng số và tham gia đầy đủ vào tiến trình chuyển đổi số quốc gia, chuyển đổi số tỉnh.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các địa phương trong việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai Phong trào, thực hiện nhiệm vụ, giải pháp phổ cập tri thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng số cho người dân; đồng thời, đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Thu hẹp khoảng cách số giữa các vùng miền, đối tượng dân cư trong tỉnh, đặc biệt chú trọng đến vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Xây dựng một xã hội học tập số, tạo điều kiện cho người dân học tập suốt đời và nâng cao trình độ trong môi trường số.

2. Yêu cầu

- Phong trào "Bình dân học vụ số" được triển khai toàn diện, sâu rộng đến tận thôn, bản, tổ dân phố, tạo nên cuộc vận động toàn dân thi đua học tập, rèn luyện kỹ năng số, tích cực tham gia vào tiến trình chuyển đổi số. Cán bộ, đảng viên tiên phong, gương mẫu thực hiện Phong trào, góp phần lan tỏa tinh thần tự học, tự nâng cao tri thức, kỹ năng số; chuyển quá trình học tập, rèn luyện, nâng cao và ứng dụng tri thức số trở thành nhu cầu tự thân của mỗi người dân.

- Thực hiện bài bản, khoa học, linh hoạt và sáng tạo, bám sát tình hình thực tế của địa phương, cơ quan, đơn vị. Phát huy cao độ vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục, đơn vị công nghệ nhằm kiến tạo hệ sinh thái học tập số đa dạng, phong phú. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng học tập trực tuyến, bảo đảm phương thức tiếp cận linh hoạt, phù hợp với mọi đối tượng, nhất là các nhóm yếu thế, người dân vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Triển khai nhanh, rộng khắp, bao trùm, có tính hệ thống, gắn kết, hoàn thành sớm. Tích hợp công nghệ số vào mọi mặt đời sống, giúp người dân kết nối, tương tác và phát triển kỹ năng số để sử dụng các nền tảng, dịch vụ số, hình thành thói quen và văn hóa trong môi trường số.

- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá, bảo đảm hiệu quả thực chất. Kết quả của Phong trào phải được đo lường bằng sự thay đổi căn bản về năng lực số của người dân, thúc đẩy kinh tế số, xây dựng chính phủ số, xã hội số.

- Bảo đảm an ninh dữ liệu, an toàn thông tin trong suốt quá trình triển khai thực hiện Phong trào "Bình dân học vụ số".

- Việc học tập, quán triệt và thực hiện Phong trào gắn với thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các văn bản của Tỉnh ủy,

Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh về công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

- Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả triển khai và rút kinh nghiệm để có những điều chỉnh phù hợp, kịp thời.

- Bảo đảm các nguồn lực và sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, các tổ chức và địa phương trong tỉnh.

II. NỘI DUNG PHONG TRÀO

1. Tuyên truyền, phổ biến nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên và nhân dân về chuyển đổi số và công tác phổ cập kỹ năng số cho người dân trong tiến trình chuyển đổi số của tỉnh, gắn với chuyển đổi số quốc gia.

2. Tổ chức thực hiện tốt các cơ chế, chính sách của Trung ương; đồng thời rà soát, xây dựng các cơ chế, chính sách của tỉnh nhằm tháo gỡ điểm nghẽn, rào cản thể chế, tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy chuyển đổi số và phổ cập kỹ năng số cho người dân, với phương châm "không ai bị bỏ lại phía sau" và "người dân, doanh nghiệp là trung tâm, mục tiêu, động lực của chuyển đổi số".

3. Triển khai toàn diện, đồng bộ các giải pháp; tập trung nguồn lực, huy động sự tham gia và phối hợp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nhằm cập nhật, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong khu vực công; đồng thời phổ cập kỹ năng số cho học sinh, sinh viên, người lao động trong các doanh nghiệp và người dân trong học tập, nghiên cứu, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ thiết yếu khác.

4. Phát động Phong trào thi đua tự học về chuyển đổi số, rèn luyện, phát triển kỹ năng số nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; khai thác hiệu quả các dịch vụ, nền tảng số và công nghệ số, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo trong công việc và cuộc sống; xây dựng đơn vị số, cộng đồng số, gia đình số và công dân số.

5. Gắn kết Phong trào với việc triển khai thực hiện Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" (ban hành theo Quyết định số 146/QĐ-TTg, ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ); đồng thời lồng ghép với các phong trào đang triển khai, nhất là phong trào thi đua "Cả nước thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023-2030" (theo Quyết định số 1315/QĐ-TTg, ngày 09/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ).

6. Xây dựng và phát triển các câu lạc bộ, cộng đồng học tập số tại cơ sở (thôn, xóm, tổ dân phố, cơ quan, trường học...) nhằm tạo môi trường giao lưu, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm và hỗ trợ nhau nâng cao kỹ năng số.

7. Nhấn mạnh vai trò quan trọng của các doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh trong việc cung cấp các nền tảng, ứng dụng, công cụ và nội dung học tập số chất lượng, đa dạng, phong phú, phù hợp với nhu cầu của nhiều đối tượng người dân.

III. CHỈ TIÊU CỤ THỂ

1. Năm 2025

a) 90% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động cấp tỉnh; 80% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động cấp xã có hiểu biết về chuyển đổi số, được trang bị kiến thức và kỹ năng số, sử dụng thành thạo các nền tảng, dịch vụ số phục vụ công việc.

b) 100% học sinh trung học và sinh viên được trang bị kiến thức, kỹ năng số phục vụ học tập, nghiên cứu và sáng tạo; có kỹ năng bảo đảm an toàn trong học tập và tương tác xã hội trên môi trường số.

c) 80% người dân trong độ tuổi trưởng thành có tri thức cơ bản về chuyển đổi số, có kỹ năng số, sử dụng được thiết bị thông minh để khai thác thông tin, sử dụng các nền tảng, dịch vụ số thiết yếu và biết cách bảo vệ bản thân trong môi trường số.

d) 50% người dân trong độ tuổi trưởng thành được xác nhận đạt chuẩn phổ cập tri thức về chuyển đổi số, kỹ năng số trên nền tảng VNeID.

e) 80% người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có kiến thức cơ bản về công nghệ số, có kỹ năng số, sử dụng được thiết bị thông minh phục vụ sản xuất, kinh doanh, góp phần nâng cao năng suất lao động.

2. Năm 2026

a) 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có hiểu biết về chuyển đổi số, được trang bị kiến thức và kỹ năng số, sử dụng tốt các nền tảng, dịch vụ số phục vụ công việc.

b) 100% học sinh từ cấp tiểu học được trang bị kiến thức, kỹ năng số phục vụ học tập, nghiên cứu và sáng tạo; có khả năng nhận biết nguy cơ và kỹ năng bảo đảm an toàn trong môi trường số.

c) 100% người dân trưởng thành có tri thức cơ bản về chuyển đổi số, có kỹ năng số, sử dụng tốt thiết bị thông minh để khai thác thông tin, sử dụng các nền tảng, dịch vụ số thiết yếu, tham gia tương tác an toàn trên môi trường số.

d) 70% người dân trong độ tuổi trưởng thành được xác nhận đạt chuẩn phổ cập tri thức về chuyển đổi số, kỹ năng số trên nền tảng VNeID.

e) 100% người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có kiến thức về công nghệ số, có kỹ năng số, sử dụng tốt thiết bị thông minh phục vụ sản xuất, kinh doanh, góp phần nâng cao năng suất lao động.

IV. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Truyền thông và tuyên truyền

1.1. Thực hiện truyền thông sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng, Cổng thông tin điện tử của tỉnh, cổng thông tin điện tử của các cấp, các ngành, Báo

và Đài Phát thanh - Truyền hình Ninh Bình, hệ thống đài truyền thanh cơ sở và các nền tảng mạng xã hội về chuyển đổi số và Phong trào "Bình dân học vụ số". Đa dạng hóa các hình thức truyền thông; tận dụng tối đa sức mạnh của các kênh thông tin đại chúng (báo chí, truyền hình, phát thanh), các nền tảng mạng xã hội phổ biến (Facebook, Zalo, YouTube...), các ứng dụng di động thông minh và các hình thức truyền thông trực tiếp tại cộng đồng nhằm tiếp cận mọi đối tượng người dân.

1.2. Phát huy vai trò của những người nổi tiếng, người có uy tín trong cộng đồng, trưởng thôn, tổ trưởng dân phố... trong việc tuyên truyền, vận động và lan tỏa tinh thần của Phong trào. Phổ biến rộng rãi đến từng hộ gia đình, từng người dân về mục đích, ý nghĩa của Phong trào "Bình dân học vụ số". Tuyên truyền sâu sắc về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc làm chủ công nghệ số, kỹ năng số trong tiến trình chuyển đổi số của tỉnh, gắn với mục tiêu chuyển đổi số quốc gia.

1.3. Xây dựng, duy trì và vận hành hiệu quả Cổng thông tin điện tử để cung cấp thông tin về Phong trào "Bình dân học vụ số" tới đông đảo nhân dân bằng nhiều hình thức, phương tiện đa dạng, dễ tiếp cận.

1.4. Triển khai "Ngày hội toàn dân học tập số" vào ngày 10/10 hằng năm (Ngày Chuyển đổi số quốc gia). Tổ chức kết hợp giữa các hoạt động trực tuyến và trực tiếp tại địa phương như: hội thảo, tọa đàm, hội nghị; trải nghiệm và hướng dẫn sử dụng các nền tảng, dịch vụ số; mở các lớp học số cho cộng đồng.

2. Tổ chức thực hiện các quy định, hướng dẫn của Trung ương về Phong trào

2.1. Triển khai khung kỹ năng số và tổ chức đánh giá, xác nhận đạt trình độ phổ cập kỹ năng số cho bốn nhóm đối tượng: (1) cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan nhà nước; (2) học sinh, sinh viên; (3) người lao động trong các doanh nghiệp; (4) người dân.

2.2. Xây dựng và triển khai cơ chế khuyến khích, khen thưởng kịp thời, xứng đáng cho các tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp tích cực, có sáng kiến hiệu quả và đạt thành tích xuất sắc trong quá trình thực hiện Phong trào tại địa phương.

2.3. Triển khai các cơ chế, chính sách phù hợp nhằm thu hút sự tham gia tích cực, hiệu quả của cộng đồng, doanh nghiệp công nghệ và các tổ chức xã hội vào Phong trào "Bình dân học vụ số".

2.4. Xây dựng kế hoạch chi tiết và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị liên quan trong việc triển khai khung kỹ năng số; tổ chức đánh giá, xác nhận trình độ phổ cập kỹ năng số cho từng nhóm đối tượng một cách đồng bộ, hiệu quả.

3. Triển khai chương trình phổ cập kỹ năng số

3.1. Tham mưu ban hành văn bản cụ thể hóa chương trình phổ cập, phù hợp với khung kỹ năng số của từng nhóm đối tượng. Chương trình cần tập trung vào các nội dung cốt lõi, tăng cường thực hành, ứng dụng vào công việc và đời sống. Chương trình phổ cập cần được thiết kế linh hoạt, đa dạng về nội dung và hình thức, phù hợp với trình độ, nhu cầu và điều kiện thực tế của từng nhóm đối tượng, đặc biệt chú trọng đến người cao tuổi, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số và người dân ở vùng sâu, vùng xa.

3.2. Triển khai xây dựng và sử dụng các tài liệu, bài giảng theo quy định cho từng chương trình phổ cập, bảo đảm đa dạng về thể loại (văn bản, hình ảnh, âm thanh, video, bài trình chiếu), ngắn gọn, dễ hiểu, dễ thực hiện; thuận tiện cho cả người dạy và người học. Tài liệu cần được thiết kế phù hợp để đưa lên các nền tảng trực tuyến, đáp ứng số lượng lớn người tham gia. Tăng cường tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm thực tế, hướng dẫn "cầm tay chỉ việc" để người dân có thể áp dụng ngay những kiến thức, kỹ năng đã học vào công việc và cuộc sống hằng ngày. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc chia sẻ, tải xuống tài liệu học tập, đặc biệt tại các khu vực có điều kiện kết nối Internet hạn chế.

4. Tổ chức triển khai các nền tảng do Trung ương xây dựng

4.1. Triển khai ứng dụng nền tảng học trực tuyến mở đại trà quốc gia (MOOCs) "Bình dân học vụ số" để đào tạo, bồi dưỡng, phổ cập kiến thức về chuyển đổi số và kỹ năng số cho mọi đối tượng.

4.2. Triển khai ứng dụng nền tảng tích hợp với VNeID để tuyên truyền về chuyển đổi số, thực hiện định danh, xác thực người học, phục vụ công tác đào tạo, đánh giá và xác nhận trình độ phổ cập kỹ năng số, năng lực số theo hướng tự động. Cần có hướng dẫn cụ thể, dễ hiểu về cách đăng ký, truy cập và sử dụng các nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCs), nền tảng tích hợp với VNeID và các nền tảng số khác do Trung ương xây dựng, nhằm giúp người dân dễ dàng tiếp cận và tham gia học tập, rèn luyện kỹ năng số. Thiết lập hệ thống hỗ trợ kỹ thuật (hotline, hỗ trợ trực tuyến...) để giải đáp thắc mắc và hỗ trợ người dân trong quá trình sử dụng các nền tảng số.

4.3. Triển khai ứng dụng các dịch vụ, nền tảng số thuộc nhiều lĩnh vực, ngành nghề để người dân thực hành, sử dụng ngay trong quá trình rèn luyện kỹ năng số. Qua đó, giúp người dân nhận thấy rõ lợi ích và tích cực tham gia vào tiến trình chuyển đổi số.

4.4. Triển khai ứng dụng trợ lý ảo hỗ trợ học tập tri thức cơ bản về chuyển đổi số và phát triển kỹ năng số, dựa trên công nghệ xử lý ngôn ngữ tự nhiên. Hệ thống sử dụng trí tuệ nhân tạo để cá nhân hóa nội dung học, bảo đảm trải nghiệm phù hợp với trình độ và nhu cầu cụ thể của từng người dùng.

5. Phổ cập tri thức về chuyển đổi số, kỹ năng số cho từng nhóm đối tượng

5.1. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước

a) Xây dựng hướng dẫn tổ chức sinh hoạt chuyên đề "Đảng viên tiên phong học tập kỹ năng số" trong các tổ chức cơ sở đảng trên địa bàn tỉnh, tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của đảng viên trong học tập, nâng cao kiến thức, phát triển kỹ năng số, thúc đẩy chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị.

b) Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn nhằm cập nhật, nâng cao trình độ chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, phù hợp với tiến trình chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị.

c) Lồng ghép, đưa nội dung chuyển đổi số, phát triển kỹ năng số vào các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước theo quy định.

5.2. Giáo dục kỹ năng số cho học sinh, sinh viên

a) Tích hợp giáo dục kỹ năng số một cách bài bản, hệ thống trong chương trình giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học, bảo đảm tính liên tục và phù hợp với từng cấp học. Đặc biệt coi trọng kỹ năng sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục và đào tạo.

b) Triển khai Chương trình "Học từ làm việc thực tế", trong đó liên kết các trường cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đào tạo với doanh nghiệp để xây dựng chương trình đào tạo nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số theo yêu cầu thực tế và theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp.

c) Đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; triển khai các mô hình giáo dục mới dựa trên công nghệ số và trí tuệ nhân tạo, tạo dựng môi trường để học sinh, sinh viên tiếp cận, hình thành kỹ năng số và thụ hưởng các thành quả của chuyển đổi số.

d) Phát huy vai trò của học sinh, sinh viên trong các hoạt động tình nguyện tham gia phổ cập kỹ năng số cho người dân, trước hết là người thân trong gia đình, những người có hoàn cảnh khó khăn, yếu thế.

5.3. Phổ cập kỹ năng số cho người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

a) Tổ chức các lớp đào tạo kỹ năng số để công nhân và người lao động tại các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nắm vững xu hướng chuyển đổi số của đơn vị, ứng dụng công nghệ mới nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả lao động.

b) Tổ chức các khóa đào tạo, hướng dẫn người lao động cách sử dụng các công cụ và phần mềm quản lý sản xuất, vận hành máy móc tự động hóa, giám sát và kiểm tra chất lượng sản phẩm; phổ cập kiến thức, kỹ năng về thương mại điện tử.

c) Khuyến khích các doanh nghiệp chủ động phối hợp với các cơ sở đào tạo để tổ chức các khóa học kỹ năng số tại nơi làm việc, tập trung vào kỹ năng ứng dụng công nghệ số để nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất, kinh doanh và quản lý.

5.4. Phổ cập kỹ năng số cho người dân

a) Tổ chức các lớp học cộng đồng một cách linh hoạt về thời gian và địa điểm (tại nhà văn hóa, trung tâm học tập cộng đồng, trường học...) với nội dung thiết thực, gần gũi với cuộc sống hằng ngày của người dân như: sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán điện tử, mua bán trực tuyến, bảo vệ thông tin cá nhân trên mạng...

Khuyến khích người dân tham gia học kỹ năng số trên các nền tảng học trực tuyến mở đại trà.

b) Tổ dân phố phối hợp với Tổ công nghệ số cộng đồng, Đoàn Thanh niên, doanh nghiệp công nghệ số, Hội Phụ nữ và các tổ chức xã hội cử hội viên có hiểu biết về công nghệ hướng dẫn người dân - đặc biệt là người cao tuổi, lao động phổ thông - sử dụng các nền tảng, dịch vụ số.

c) Tổ chức các lớp học "Bình dân học vụ số" cho người cao tuổi về sử dụng Internet, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số, nhất là các nội dung liên quan đến an toàn số và chăm sóc sức khỏe trực tuyến.

d) Tổ chức các lớp phổ cập công nghệ, kỹ năng số chuyên biệt cho người khuyết tật với chương trình giảng dạy phù hợp với khả năng và nhu cầu của từng nhóm. Duy trì và nâng cấp các trang tin điện tử hỗ trợ người khuyết tật, bảo đảm giao diện thân thiện, tích hợp các công cụ hỗ trợ tiếp cận văn bản, âm thanh, dịch thuật,... theo tiêu chuẩn quốc tế.

e) Hỗ trợ người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, người dân vùng sâu, vùng xa tiếp cận và sử dụng các dịch vụ, nền tảng số. Thực hiện đồng bộ các chính sách nhằm bảo đảm các nhóm đối tượng này có khả năng tiếp cận công nghệ số, góp phần thu hẹp khoảng cách số với khu vực thành thị.

6. Triển khai các mô hình, phong trào lan tỏa kỹ năng số cho cộng đồng

6.1. Mạng lưới "Đại sứ số": Xây dựng mạng lưới "Đại sứ số" để phổ cập kỹ năng số cho cộng đồng qua mô hình Người hướng dẫn (mentor) - Người học (mentee). Mỗi "mentor" hướng dẫn kỹ năng số cho ít nhất 5 "mentee". Mỗi phường, xã bố trí ít nhất một nhân sự hỗ trợ, hướng dẫn khi người dân đến làm thủ tục hành chính nhưng chưa đủ kỹ năng thao tác trên Cổng dịch vụ công trực tuyến. Cần có quy trình tuyển chọn, đào tạo bài bản và cơ chế hỗ trợ, ghi nhận, khen thưởng các đại sứ số để họ hoạt động hiệu quả và nhiệt tình.

6.2. Phong trào "Gia đình số": Mỗi hộ gia đình có ít nhất một thành viên tham gia học tập, có hiểu biết về chuyển đổi số, kỹ năng số, sử dụng được nền tảng và dịch vụ số, đồng thời hướng dẫn các thành viên trong gia đình. Phát động phong trào thi đua giữa các gia đình trong việc học tập và ứng dụng kỹ năng số, có thể có hình thức khen thưởng, tôn vinh các "Gia đình số tiêu biểu".

6.3. Mô hình "Chợ số - Nông thôn số": Đào tạo tiểu thương, nông dân và người dân khu vực nông thôn qua mô hình học tập 4T (Tiểu thương - Thương mại điện tử - Thanh toán không dùng tiền mặt - Tiết kiệm số), giúp người học nắm vững kỹ năng và sử dụng công nghệ, nền tảng số trong kinh doanh. Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, các địa phương và

các doanh nghiệp công nghệ để triển khai mô hình hiệu quả, hỗ trợ tiểu thương và nông dân tiếp cận thương mại điện tử và thanh toán không dùng tiền mặt.

6.4. Mô hình "Mỗi công dân - Một danh tính số": Bảo đảm 100% công dân từ 16 tuổi trở lên có danh tính số; hỗ trợ người dân cài đặt và sử dụng ứng dụng VNeID, tài khoản ngân hàng số. Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn và hỗ trợ người dân cài đặt, kích hoạt và sử dụng ứng dụng VNeID để tạo lập danh tính số.

6.5. Mô hình "Tổ công nghệ số cộng đồng": Phát huy vai trò và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ công nghệ số cộng đồng đã được thành lập trong triển khai Phong trào "Bình dân học vụ số", với phương châm "đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người", đặc biệt ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn và đồng bào dân tộc thiểu số, bảo đảm mọi người dân đều được phổ cập kỹ năng cơ bản về chuyển đổi số. Tiếp tục kiện toàn, nâng cao năng lực cho các tổ công nghệ số cộng đồng, đảm bảo phủ khắp các địa bàn dân cư, đặc biệt ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Xây dựng cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các tổ công nghệ số cộng đồng với chính quyền địa phương, mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

6.6. Chiến dịch Thanh niên chung tay phổ cập kỹ năng số: Các cơ sở đoàn tại địa phương thực hiện chiến dịch thường xuyên theo chuyên đề riêng hoặc lồng ghép vào hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, Tổ thanh niên chuyển đổi số. Thanh niên tình nguyện tổ chức các lớp, nhóm hướng dẫn người dân cách cài đặt, sử dụng phần mềm, ứng dụng, sản phẩm và dịch vụ số. Phát huy vai trò xung kích, tình nguyện của đoàn viên, thanh niên trong tổ chức các lớp học, nhóm hướng dẫn và hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng phần mềm, ứng dụng, sản phẩm, dịch vụ số.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Ngân sách nhà nước theo quy định về phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành; lồng ghép với các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ khác có liên quan và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Phong trào "Bình dân học vụ số"; định kỳ theo quý và đột xuất báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, cũng như cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Trung ương khi có yêu cầu.

- Tham mưu Ban Chỉ đạo tỉnh thành lập Tổ Công tác triển khai Phong trào "Bình dân học vụ số"; xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp để bảo đảm việc triển khai Phong trào đúng quan điểm chỉ đạo, đạt được yêu cầu, mục tiêu và các chỉ tiêu đề ra.

- Chủ trì xây dựng Kế hoạch tổ chức Lễ phát động Phong trào "Bình dân học vụ số" trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp quy định tại mục 1.1 và khoản a, mục 5.1, phần IV của Kế hoạch này.

2. Văn phòng Tỉnh uỷ

- Phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy cùng các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Phong trào "Bình dân học vụ số".

- Chủ trì, phối hợp triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp 1.3, mục 1, phần IV.

- Chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chỉ đạo, đôn đốc các cấp ủy đảng trực thuộc triển khai Phong trào, đặc biệt là đưa nội dung này vào chương trình công tác thường xuyên của các cấp ủy.

- Chủ động phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy trong việc cung cấp thông tin và định hướng tuyên truyền về Phong trào.

3. Công an tỉnh

- Phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy và các cơ quan, đơn vị liên quan để triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Phong trào "Bình dân học vụ số".

- Chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại các mục 4.1, 4.2 mục 4 và 6.4 của mục 6, phần IV của Kế hoạch này.

- Bảo đảm an toàn, an ninh mạng trong quá trình triển khai Phong trào.

- Lồng ghép việc thực hiện Phong trào "Bình dân học vụ số" vào kế hoạch triển khai các đề án, chương trình liên quan đến chuyển đổi số do Công an tỉnh chủ trì.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch hưởng ứng Phong trào "Bình dân học vụ số" trong toàn ngành công an.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy, Công an tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị liên quan để triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Phong trào "Bình dân học vụ số".

- Chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại mục 1.4 của mục 1; mục 2.1 của mục 2 và mục 4.4 của mục 4, phần IV của Kế hoạch này.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ số bảo đảm hạ tầng, đường truyền và kết nối Internet để phục vụ triển khai Phong trào.

- Chủ trì xây dựng Kế hoạch tổ chức hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng thực hiện Phong trào.

- Chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Sở Nội vụ triển khai các chương trình, kế hoạch đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan nhà nước, người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu của Phong trào.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan lựa chọn các tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong thực hiện Phong trào thi đua "Bình dân học vụ số" để đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xét, khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định.

- Lồng ghép việc thực hiện Phong trào "Bình dân học vụ số" vào kế hoạch triển khai các đề án, chương trình liên quan đến chuyển đổi số do Sở chủ trì.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh uỷ, Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện Phong trào "Bình dân học vụ số".

- Chủ trì, và phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ, giải pháp tại mục 3.1, 3.2 thuộc mục 3 và mục 5.2, phần IV của Kế hoạch này.

- Chỉ đạo cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp đóng góp về cơ sở vật chất, hạ tầng số, nhân lực số hỗ trợ triển khai Phong trào.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trong việc tích hợp giáo dục kỹ năng số vào chương trình đào tạo và phát huy vai trò của học sinh, sinh viên trong hoạt động tình nguyện.

- Chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan để tận dụng hạ tầng và nguồn lực sẵn có trong ngành giáo dục phục vụ Phong trào.

6. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định thành tích, trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc trong thực hiện phong trào thi đua "Bình dân học vụ số".

- Phối hợp với các sở, ban, ngành trong việc rà soát, đánh giá và đề xuất các chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao kỹ năng số.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ, giải pháp tại mục 2.2, phần IV của Kế hoạch. Đồng thời thực hiện lồng ghép nội dung chuyển đổi số và phát triển kỹ năng số vào các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước do Bộ Nội vụ ban hành.

7. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu cho cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí ngân sách tỉnh để thực hiện Kế hoạch theo quy định.

8. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hưởng ứng Phong trào "Bình dân học vụ số" trong toàn ngành.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai các nhiệm vụ, giải pháp có liên quan trong phần IV của Kế hoạch.

- Huy động sự tham gia của các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cá nhân trong việc hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất để thực hiện Phong trào.

- Lồng ghép thực hiện Phong trào "Bình dân học vụ số" vào kế hoạch triển khai đề án, chương trình liên quan đến chuyển đổi số do cơ quan chủ trì.

9. Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy

- Chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai Phong trào tại cơ quan, đơn vị, địa phương phù hợp với điều kiện thực tế. Khuyến khích triển khai các mô hình, cách làm sáng tạo, đạt hiệu quả cao.

- Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại mục 1 và mục 5, phần IV của Kế hoạch và các nhiệm vụ, giải pháp có liên quan và chịu trách nhiệm toàn diện về kết quả thực hiện Phong trào tại địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Huy động sự tham gia của các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cá nhân trong việc hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất để thực hiện Phong trào "Bình dân học vụ số".

- Lồng ghép thực hiện Phong trào "Bình dân học vụ số" vào kế hoạch, đề án, chương trình chuyển đổi số địa phương, cơ quan, đơn vị đang thực hiện.

10. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh

- Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch hưởng ứng Phong trào "Bình dân học vụ số". Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về huy động nguồn lực, nâng cao nhận thức, động viên hội viên, quần chúng tham gia Phong trào; giám sát, phản biện quá trình thực hiện Phong trào.

- Lồng ghép thực hiện Phong trào "Bình dân học vụ số" vào triển khai các chương trình, đề án; các phong trào, các cuộc vận động do các tổ chức chính trị - xã hội chủ trì, phát động, nhất là phong trào "cả nước thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023 - 2030".

- Phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy trong việc tuyên truyền, vận động và giám sát việc thực hiện Phong trào.

11. Các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số

- Hỗ trợ hạ tầng số và các nguồn lực về con người, tài chính; triển khai các chương trình, gói ưu đãi sử dụng sản phẩm, dịch vụ số cho người dân.

- Phát huy vai trò trong việc phát triển đa dạng các nền tảng số, phục vụ chính quyền, người dân trong tiến trình chuyển đổi số quốc gia. Khuyến khích các doanh nghiệp chủ động đề xuất các giải pháp công nghệ sáng tạo để hỗ trợ việc triển khai thực hiện Phong trào hiệu quả.

- Xây dựng các khóa học, trực tiếp tổ chức các lớp học "Bình dân học vụ số" cho các nhóm đối tượng phù hợp với thế mạnh của các doanh nghiệp. Điều động nhân sự tham gia đội ngũ giáo viên, tình nguyện viên triển khai Phong trào "Bình dân học vụ số".

Trên đây là Kế hoạch triển khai Phong trào "Bình dân học vụ số" tỉnh Ninh Bình, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh đề nghị các đảng bộ, cơ quan, đơn vị, đảng viên, nhân dân và doanh nghiệp phát huy tinh thần trách nhiệm, quyết tâm cao độ, hành động mạnh mẽ, đồng bộ để triển khai hiệu quả Phong trào, góp phần đẩy nhanh tiến trình thực hiện chuyển đổi số quốc gia./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ban Tuyên giáo và Dân vận TW (để b/c),
- Bộ Khoa học và Công nghệ,
- Các đ/c thành viên BCĐ cấp tỉnh,
- Đảng uỷ UBND tỉnh,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh uỷ,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Lãnh đạo Văn phòng Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

BÍ THƯ
kiêm
TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TỈNH ỦY NINH BÌNH

Đoàn Minh Huấn